TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SA THẦY** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 26-9-2023.
" V/v không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SA THẦY-TỈNH KONTUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Ông Nguyễn Văn Lâm**.

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Đình T và ông Nguyễn Đăng S.**

- *Thư ký phiên toà*: **Ông Lương Công Anh** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sa Thầy.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Hải Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 26-9-2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 22/2023/TLST-HNGĐ ngày 13-6-2023, về "*Tranh chấp ly hôn"*; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18-8-2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05-9-2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình Ngh, S năm 1968 (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Th, S năm 1978 (Vắng mặt).

Cùng trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

- Người làm chứng ông Nguyễn Văn S, S năm 1962 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Nh, xã S, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Đình Ngh trình bày:

Tôi và bà Phạm Thị Th tổ chức kết hôn với nhau vào năm 2002 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Sa Nhơn, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Sau đó chúng tôi chuyển sang xã hơ Moong, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum để S sống. Do sơ suất của gia đình trong quá trình cất giữ giấy tờ nên đã thất lạc giấy đăng ký kết hôn nên không thể cung cấp cho Tòa án.

Về quan hệ vợ chồng: Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng về quan điểm sống; gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Nay nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau và chúng tôi đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nên đề Ngh Tòa án giải quyết dứt điểm để tôi được ly hôn với bà Phạm Thị Th.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Hồng M, S ngày 10/12/2002 và Nguyễn Đắc H, S ngày 03/10/2006. Hiện nay, các con chung đã lớn, có khả năng tự quyết định cuộc sống của mình và đang ở với bà Phạm Thị Th nên tôi chưa yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nơi cư trú của bà Th: Bà Th không có nơi cư trú ổn định, tôi đã tìm hiểu và biết bà Th cố tình giấu địa chỉ gây khó khăn cho tôi trong việc giải quyết ly hôn.

***- Đối với bị đơn bà Phạm Thị Th*:**

Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập nhưng chị Th đều vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp bất kỳ tài liệu chứng cứ gì và cũng không yêu cầu Tòa án tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ theo quy định của pháp luật. Do đó không có ý kiến trình bày của bà Th trong hồ sơ vụ án.

- Người làm chứng ông Nguyễn Văn S trình bày: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh Ngh chị Th thường xuyên xảy ra cãi vã, trong S hoạt thì bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống chung nhưng không tin tưởng nhau; Hơn nữa, vợ chồng anh Ngh chị Th đã sống ly thân từ đầu năm 2021.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng việc thụ lý vụ án về trình tự, thủ tục, thẩm quyền. Việc xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử ... Hoạt động giải quyết của Thẩm phán đảm bảo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt nên đề Ngh Hội đồng xét

xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với bị đơn. Đối với người làm chứng ông Nguyễn Văn S vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề Ngh Hội đồng xét xử căn cứ Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với người làm chứng.

3. Quan điểm giải quyết vụ án: Đề Ngh Hội đồng xét xử căn cứ **khoản 1** Điều 9 và **khoản 1** Điều 14; **khoản 2 Điều 53** Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 8 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 228, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Ngh quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề Ngh Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Đình Ngh và bà Phạm Thị Th là vợ chồng. Về con chung: Ông Nguyễn Đình Ngh và bà Phạm Thị Th có 02 con chung là Nguyễn Thị Hồng M, S ngày 10/12/2002 và Nguyễn Đắc H, S ngày 03/10/2006 ông Nguyễn Đình Ngh chưa yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên đề Ngh HĐXX không xem xét. Về án phí: ông Nguyễn Đình Ngh phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

- Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Đình Ngh đề Ngh Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Phạm Thị Th có nơi cư trú tại thôn Đ, xã H, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Tuy nhiên, ông Nguyễn Đình Ngh không cung cấp được Giấy chứng nhận kết hôn cho Tòa án. Tòa án đã tiến hành xác minh việc đăng ký kết hôn giữa ông Nguyễn Đình Ngh và bà Phạm Thị Th tại UBND xã Sa Nhơn, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Kết quả trả lời: Qua kiểm tra sổ lưu đăng ký kết hôn tại UBND xã từ năm 2002 đến năm 2007 thì không có tên ông Nguyễn Đình Ngh và bà Phạm Thị Th trong sổ lưu. Như vậy, không có cơ sở xác định ông Nguyễn Đình Ngh và bà Phạm Thị Th có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, HĐXX xác định đây là vụ án tranh chấp về "*không công nhận quan hệ vợ chồng*" theo quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn bà Phạm Thị Th, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập nhưng bà Th vắng mặt không lý do. Như vậy, bà Th đã từ

bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, xét xử vắng mặt đối với bà Phạm Thị Th.

- Đối với người làm chứng ông Nguyễn Văn S vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với người làm chứng Nguyễn Văn S.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đình Ngh và bà Phạm thị Th chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2002 nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Đình Ngh và bà Phạm Thị Th là không hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Trong quá trình chung sống giữa ông Nguyễn Đình Ngh và bà Phạm Thị Th thường xuyên xả ra mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng về quan điểm sống. Hai bên gia đình đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành và hiện nay ông bà đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Nay, ông Ngh xác định không còn tình cảm với bà Th. HĐXX xét thấy, mâu thuẫn giữa ông Ngh và bà Th đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, có căn cứ pháp luật chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình Ngh, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Đình Ngh và bà Phạm Thị Th là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Ông Nguyễn Đình Ngh và bà Phạm Thị Th có 02 con chung là Nguyễn Thị Hồng M, S ngày 10/12/2002 và Nguyễn Đắc H, S ngày 03/10/2006. Ông Ngh cho rằng, các con chung đã lớn, có khả năng tự quyết định cuộc sống của mình và đang ở với bà Phạm Thị Th nên ông Nguyễn Đình Ngh chưa yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên HĐXX không xem xét. Trường hợp, vì lợi ích của con chung thì ông Ngh có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Đình Ngh phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144; khoản 4 Điều 147, Điều 228, 229, Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, **khoản 1** Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Ngh quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và mục A phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Đình Ngh và bà Phạm Thị Th là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Đình Ngh và bà Phạm Thị Th có 02 con chung là Nguyễn Thị Hồng M, S ngày 10/12/2002 và Nguyễn Đắc H, S ngày 03/10/2006. Ông Ngh cho rằng, các con chung đã lớn, có khả năng tự quyết định cuộc sống của mình và đang ở với bà Phạm Thị Th nên ông Nguyễn Đình Ngh chưa yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên HĐXX không xem xét. Trường hợp, vì lợi ích của con chung thì ông Ngh có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Đình Ngh phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2021/0004192 ngày 12-6-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Ông Nguyễn Đình Ngh đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Đình Ngh có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (26-9-2023). Bà Phạm Thị Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND cấp cao tại Đà Nẵng;*
- *TAND tỉnh Kon Tum*
- *VKSND h. Sa Thầy;*
- *Chi cục THADS h. Sa Thầy;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Sa Nhơn;*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Lâm